

Ba Đồn, ngày 22 tháng 6 năm 2022

**KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN
VÀ “XANH-SẠCH-ĐẸP” TRONG BỆNH VIỆN NĂM 2022**

Căn cứ:

- Kế hoạch hoạt động khoa kiểm soát nhiễm khuẩn năm 2022
- Tiêu chí nâng cao chất lượng bệnh viện hàng năm

Khoa KSNK trình kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác kiểm soát nhiễm khuẩn năm 2022 cụ thể như sau:

1. Thời gian:

Quý /năm 2022	Thời gian dự kiến thực hiện	Ghi chú
Quý III	Từ 19/7/2022-30/7/2022	
Quý IV	Từ .../.../2022-.../.../2022	

2. Địa điểm: Tại các khoa Lâm sàng và Cận Lâm Sàng, không có lịch kiểm tra cụ thể đi theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên theo thời gian dự kiến.

3. Thành phần tham gia:

- 3.1. Tổ kiểm tra, giám sát khoa KSNK.
- 3.2. Phòng điều dưỡng.
- 3.3. Điều dưỡng trưởng khoa lâm sàng/CLS (Mạng lưới KSNK).
- 3.4. Phòng vi sinh khoa xét nghiệm

4. Mục đích:

- Kiểm tra toàn diện công tác Kiểm soát nhiễm khuẩn, ý thức, thực hành về kiểm soát nhiễm khuẩn của mỗi nhân viên, khoa phòng trong toàn viện

5. Cách thức kiểm tra:

Đoàn kiểm tra được chia làm 4 tổ chính, mỗi tổ sẽ phụ trách kiểm tra toàn bộ các nội dung theo yêu cầu, tập hợp lại nội dung kiểm tra, tổ kiểm tra giám sát khoa KSNK chịu trách nhiệm làm báo cáo sau khi kiểm tra.

6. Nội dung kiểm tra:

- a) Vệ sinh tay

b) Kiến thức và thực hành về Quản lý chất thải theo TT 20/2021

c) Tiêu chí Xanh-Sạch-Đẹp

d) Quy trình truyền TM

e) Quy trình thay băng, cắt chỉ

f) Lấy mẫu vi sinh các vị trí trọng điểm và bàn tay nhân viên tham gia PT/TT/CSSS/HS

Tổ 1 phụ trách các khoa sau: (khoa LCK, khoa Ngoại, khoa Nội TH, khoa XN, khoa TN, khoa HSTC-CD,)

Tổ 2 phụ trách các khoa sau: (khoa Khám Bệnh, khoa CDHA, Khoa YHCT, khoa Sản, Khoa Nhi, khoa nội TM, khoa GMPT.

Tổ 3 phụ trách giám sát : tất cả các khoa LS, CLS, KB

Tổ 4 phụ trách giám sát vi sinh: các khoa trọng điểm: khoa GMPT, khoa Sản, Khoa Ngoại, HSTC_CD, khoa LCK, Khoa Nhi, Các vòi nước vô khuẩn, bàn tay PTV/Phụ mổ/CC nhi SS/NHS.

Cụ thể:

Tổ 1:

Đ/c Trần Thị Hải trưởng khoa KSNK	Tổ trưởng
Đ/c Trần Thị Thiên NV phòng Điều dưỡng	Tổ viên
Đ/c Nguyễn Hoàng Yên Điều dưỡng Trưởng khoa Nội Tim Mạch	Tổ viên
Đ/c Ngô Hữu Hoàng Điều dưỡng trưởng khoa CDHA	Tổ viên

Tổ 2

Đ/c Nguyễn An Bảo Chinh Phó phòng Điều dưỡng	Tổ trưởng
Đ/c Nguyễn thị Hoa Điều dưỡng Trưởng khoa KSNK	Tổ viên
Đ/c Vũ Thị Thủy Điều dưỡng Trưởng khoa LCK	Tổ viên
Đ/c Hoàng Thị Minh Điều dưỡng trưởng khoa xét nghiệm	Tổ viên

Tổ 3 tổ giám sát thường xuyên

Họ và Tên	Chức vụ	Nội dung giám sát	Công cụ giám sát
Trần thị Hải	Trưởng khoa	Phụ trách chung	Bảng kiểm
Nguyễn thị Hoa	DD Trưởng	VST, KK-TK, VSMT	Bảng kiểm
Phạm thị Thủy	KSMT	VST, VSMT, QLCT	Bảng kiểm

Phạm Ngọc Hoàn	Tổ viên	KK-TK, VST, VSMT	Bảng kiểm
Trần Thị Thiên	Tổ viên	Quy trình tiêm, thay băng, truyền dịch, xông tiêu	Bảng kiểm
Nguyễn An Bảo Chinh	P.trưởng Phòng	Quy trình tiêm, thay băng, truyền dịch, xông tiêu	Bảng kiểm

Tổ 4:

Đ/c Nguyễn Thị Hoa Điều dưỡng Trưởng khoa KSNK

Đ/c Phạm Thị Thủy KSMT khoa KSNK

Đ/c Phan thị Lê Na phụ trách phòng vi sinh khoa Xét nghiệm

*** Phiếu kiểm tra:** Các mẫu phiếu kiểm tra (có sẵn theo quy trình, quy định về KSNK, tiêu chí “Xanh-Sạch-Đẹp”)

Hình thức giám sát: Quan sát trực tiếp, đánh giá vào bảng kiểm (yêu cầu: không gây cản trở công tác điều trị và chăm sóc người bệnh)

Sau giám sát làm báo cáo trình hội đồng KSNK, đề xuất các giải pháp thực hiện

Sau mỗi đợt kiểm tra, giám sát tổ kiểm tra giám sát khoa KSNK tập hợp làm báo cáo trình lên chủ tịch Hội đồng KSNK.

GIÁM ĐỐC PHÊ DUYỆT



Nguyễn Viết Thái

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Trưởng khoa(KSNK)

Trần Thị Hải

PHỤ LỤC

BẢNG PHÂN CÔNG THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM KIỂM TRA

(Kèm theo kế hoạch kiểm tra giám sát công tác kiểm soát nhiễm khuẩn và “Xanh-Sạch-Đẹp”
trong bệnh viện năm 2022)

TT	ĐỊA ĐIỂM	THỜI GIAN	TỔ KT	GHI CHÚ
1	Khoa Khám Bệnh	Sáng 19/7/2022	Tổ 2	
2	Khoa LCK	Sáng 19/7/2022	Tổ 1	
3	Khoa CĐHA	Chiều 19/7/2022	Tổ 2	
4	Khoa Xét Nghiệm	Chiều 19/7/2022	Tổ 1	
5	Khoa Ngoại	Sáng 20/7/2022	Tổ 1	
6	Khoa Sản	Sáng 20/7/2022	Tổ 2	
7	Khoa Truyền nhiễm	Chiều 20/7/2022	Tổ 1	
8	Khoa YHCT	Chiều 20/7/2022	Tổ 2	
9	Khoa nội TH	Sáng 21/7/2022	Tổ 1	
10	Khoa Nội TM	Sáng 21/7/2022	Tổ 2	
11	Khoa HSTC-CD	Chiều 21/7/2022	Tổ 1	
12	Khoa Nhi	Chiều 21/7/2022	Tổ 2	
13	Khoa GMPT	Sáng 22/7/2022	Tổ 2	

BỆNH VIỆN ĐKKV BẮC QUẢNG BÌNH

Bảng kiểm công cụ vệ sinh tay và công tác khử khuẩn tiết khuẩn

(Kèm theo kế hoạch kiểm tra giám sát công tác kiểm soát nhiễm khuẩn và “Xanh-Sạch-Đẹp”
trong bệnh viện năm 2022)

Khoa kiểm tra:..... Thời gian kiểm tra :.....

TT	Nội dung	Vị trí kiểm tra	Số lượng Hiện tại	Tổng số giường bệnh, buồng kt	Yêu cầu bổ sung	Giải thích lý do
Công cụ vệ sinh tay						
1	Labo rửa tay					
2	Xà phòng kháng khuẩn					
3	Khăn lau tay					
4	Thùng đựng khăn sạch					
5	Thùng đựng khăn bẩn					
6	Chai dd sát khuẩn tay					
7	Giá đựng chai dd SKT					
8	Bảng hướng dẫn VST					
Khử khuẩn và tiết khuẩn						
1	Xô đựng dụng cụ bẩn					
2	Hóa chất khử khuẩn					
3	Quy trình KKTK					
4	Labo/vị trí rửa dụng cụ					
5	Khăn lau khô dụng cụ					

Ý kiến đề xuất của các khoa:

.....
.....
.....
.....
.....

Ký xác nhận của khoa

Người thu thập thông tin

SỞ Y TẾ QUẢNG BÌNH Y TẾ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC BẮC QUẢNG BÌNH

(Kèm theo kế hoạch kiểm tra giám sát công tác kiểm soát nhiễm khuẩn và “Xanh-Sạch-Đẹp”
trong bệnh viện năm 2022)

PHIẾU KHẢO SÁT
KIẾN THỨC VÀ THỰC HÀNH PHÂN LOẠI, THU GOM CHẤT THẢI
Y TẾ CỦA CÁN BỘ Y TẾ

Nhằm phục vụ tốt hơn công tác đào tạo, tập huấn về nội dung “Thực hành quản lý chất thải”, đề nghị Anh/chị vui lòng điền giúp các thông tin vào các ô thích hợp (sử dụng dấu X hoặc viết vào dòng để trống, khoanh tròn những đáp án đúng).

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

- 1.1. Anh/chị vui lòng cho biết tuổi:.... và giới tính 1 ☐ Nam 2. ☐ Nữ
- 1.2. Trình độ chuyên môn: 1 ☐ Bác sỹ; 2. ☐ Điều dưỡng, NHS 3. ☐ KTV
- 1.3. Anh/chị đã làm việc trong bệnh viện này bao lâu rồi?
☐ a. < 1 năm ☐; b. 1 - 5 năm ; ☐ c. 6 - 10 năm
☐ d. 10 – 20 năm; ☐ e. >20 năm
- 1.4. Anh/chị làm việc tại bộ phận nào trong bệnh viện?
☐ a. Khối Ngoại; ☐ b. Khối Nội; ☐ c. Hồi tích cực, cấp cứu
☐ d. Chuyên khoa; ☐ e. Xét nghiệm; ☐ f. Khác
- 1.5. Trong vòng 6 tháng qua, anh/chị có bị thương tích do vật sắc nhọn (kim tiêm, dao mổ) không?
☐ a. Không; ☐ b. Có, trong hoàn cảnh nào.....
- 1.6. Trong vòng 6 tháng qua, anh/chị có bị phơi nhiễm với máu hoặc dịch cơ thể của người bệnh (bẩn niêm mạc mắt hoặc da bị tổn thương) không?
☐ a. Không; ☐ b. Có, trong hoàn cảnh nào.....
- 1.7. Anh/chị có tiêm vắc xin phòng viêm gan B không?
☐ a. Không; b. Có, đủ 3 mũi; ☐ c. Có, chưa đủ 3 mũi
- 1.8. Trong những năm vừa qua, anh/chị có tham dự lớp tập huấn nào về quản lý chất thải y tế không?
☐ a. Không; ☐ b. Có

II. KHẢO SÁT KIẾN THỨC

Câu 1: Thông tư nào quy định về Quản lý chất thải được áp dụng hiện nay.

- a) Thông tư 16/2018
- b) Thông tư 20/2021
- c) Thông tư 58/2015
- d) Thông tư 18/2009

Câu 2: Quyết định nào Ban hành về tiêu chí Xanh-Sạch-Đẹp.

- a) Quyết định 3638
- b) Quyết định 6573
- c) Quyết định 5959
- d) Quyết định 3671

Câu 3: Thông tư nào quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở y tế.

- a) Thông tư 16/2018
- b) Thông tư 20/2021
- c) Thông tư 58/2015
- d) Thông tư 18/2009

Câu 4: Khoanh vào câu trả lời đúng.

- a) Thông tư 16/2018 thay thế cho Thông tư 20/2021
- b) Thông tư 16/2018 thay thế cho Thông tư 58/2015
- c) Thông tư 16/2018 thay thế cho Thông tư 18/2009

Câu 5: Khoanh vào câu trả lời đúng.

- a) Quyết định 5959 thay thế cho Quyết định 3638
- b) Quyết định 5959 thay thế cho Quyết định 3916
- c) Quyết định 5959 thay thế cho Quyết định 3671

Câu 6: Khoanh vào câu trả lời đúng.

- a) Quyết định 5959 thay thế cho Quyết định 3916
- b) Quyết định 5959 thay thế cho Quyết định 6573
- c) Quyết định 5959 thay thế cho Quyết định 3671

Câu 7: Thông tư 20/2021 có bao nhiêu điểm mới .

- a) 7 điểm mới
- b) 8 điểm mới
- c) 9 điểm mới
- d) 10 điểm mới

Câu 8: Thông tư 20/2021 phân định bao nhiêu loại chất thải.

d) 10 điểm mới

Câu 8: Thông tư 20/2021 phân định bao nhiêu loại chất thải.

- a) 3 loại
- b) 4 loại
- c) 5 loại
- d) 6 loại

Câu 9: Kể tên các loại chất thải theo phân định TT20/2021 mà bạn nhớ.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10: Chất thải Lây nhiễm sắc nhọn giữa TT58 và TT20 có gì khác nhau (điền vào phần còn thiếu).

- ❖ **TT58** là chất thải có thể gây ra các vết cắt, xuyên thủng như: kim tiêm; bơm liên kim tiêm; đầu sắc nhọn của dây truyền; kim chọc dò; kim châm cứu; lưỡi dao mổ; đinh, cưa phẫu thuật và các VSN khác;
- ❖ **TT20/2021** bao gồm kim tiêm; bơm liên kim tiêm; đầu sắc nhọn của dây truyền; kim chọc dò; kim châm cứu; lưỡi dao mổ; đinh, cưa phẫu thuật các ống tiêm, mảnh thủy tinh vỡ; các vật sắc nhọn khác đã qua sử dụng thải bỏ.....;

Câu 11: Chất thải Lây nhiễm không sắc nhọn giữa TT58 và TT20 có gì khác nhau (điền vào phần còn thiếu).

- ❖ **TT58** Chất thải thấm, dính, chứa máu hoặc dịch cơ thể; các chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly;
- ❖ **TT20/2021** bao gồm bông, băng, gạc, găng tay, các chất thải không sắc nhọn khác thấm, dính, chứa máu của cơ thể, chứa vi sinh vật gây bệnh; vỏ lọ vắc xin thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực thải bỏ; chất thải lây nhiễm dạng lỏng (bao gồm dịch dẫn lưu sau PT, TT y khoa, dịch thải bỏhoặc);

Câu 12: Chất thải nguy hại không lây nhiễm giữa TT58 và TT20 có gì khác nhau (điền vào phần còn thiếu).

❖ **TT20/2021:** Hóa chất thải bỏ có thành phần, tính chất nguy hại
..... chất thải nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ
nhà sản xuất;

Câu 13: Phân loại chất thải:

- Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hóa chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;
- a) Chất thải lây nhiễm
- b) Chất thải nguy hại không lây nhiễm.
- c) Chất thải rắn thông thường
- d) Khí thải
- e) Chất thải lỏng không nguy hại
- f) Nước thải y tế

Câu 14: Phân loại chất thải:

- Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân cadimi(Cd); pin, ắc quy thải bỏ; vật liệu tráng chì sử dụng trong ngăn tia xạ thải bỏ;
- a) Chất thải lây nhiễm
- b) Chất thải nguy hại không lây nhiễm.
- c) Chất thải rắn thông thường
- d) Khí thải
- e) Chất thải lỏng không nguy hại
- f) Nước thải y tế

Câu 15: Phân loại chất thải:

- Dung dịch rửa phim X-Quang, nước thải từ thiết bị xét nghiệm, phân tích và các dung dịch thải bỏ có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;
- a) Chất thải lây nhiễm
- b) Chất thải nguy hại không lây nhiễm.
- c) Chất thải rắn thông thường
- d) Khí thải
- e) Chất thải lỏng không nguy hại
- f) Nước thải y tế

Câu 16: Phân loại chất thải:

- Vỏ lọ vắc xin thải bỏ không thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực;
- a) Chất thải lây nhiễm
- b) Chất thải nguy hại không lây nhiễm.

- a) Chất thải lây nhiễm
- b) Chất thải nguy hại không lây nhiễm.
- c) Chất thải rắn thông thường
- d) Khí thải
- e) Chất thải lỏng không nguy hại
- f) Nước thải y tế

Câu 17: Phân loại chất thải

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại; tro, xỉ từ lò đốt chất thải rắn y tế không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;

- a) Chất thải lây nhiễm
- b) Chất thải nguy hại không lây nhiễm.
- c) Chất thải rắn thông thường
- d) Khí thải
- e) Chất thải lỏng không nguy hại
- f) Nước thải y tế

Câu 18: Phân loại chất thải

- Chất thải là dung dịch thuốc, hóa chất thải bỏ không thuộc nhóm gây độc tế bào, không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất, không chứa yếu tố nguy hại vượt ngưỡng, không chứa VSV gây bệnh;

- a) Chất thải lây nhiễm
- b) Chất thải nguy hại không lây nhiễm.
- c) Chất thải rắn thông thường
- d) Khí thải
- e) Chất thải lỏng không nguy hại
- f) Nước thải y tế

Câu 19: Phân loại chất thải

- Nước thải gồm nước thải phát sinh từ hoạt động chuyên môn trong cơ sở y tế.

- a) Chất thải lây nhiễm
- b) Chất thải nguy hại không lây nhiễm.
- c) Chất thải rắn thông thường
- d) Khí thải
- e) Chất thải lỏng không nguy hại
- f) Nước thải y tế

- Chất thải rắn phát sinh từ cơ sở y tế không thuộc Danh mục chất thải y tế nguy hại hoặc thuộc Danh mục chất thải y tế nguy hại quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này nhưng có yếu tố nguy hại dưới ngưỡng chất thải nguy hại;
 - a) Chất thải lây nhiễm
 - b) Chất thải nguy hại không lây nhiễm.
 - c) Chất thải rắn thông thường
 - d) Khí thải
 - e) Chất thải lỏng không nguy hại
 - f) Nước thải y tế

BỆNH VIỆN ĐKKV BẮC QUẢNG BÌNH**Bảng kiểm cơ sở “Xanh-Sạch-Đẹp”**

(Kèm theo kế hoạch kiểm tra giám sát công tác kiểm soát nhiễm khuẩn và “Xanh-Sạch-Đẹp” trong bệnh viện năm 2022)

Khoa kiểm tra:..... Thời gian kiểm tra :.....

STT	Tiêu chí/Nhóm Tiêu chí	Nội dung Tiêu chí	Điểm
		PHẦN A. XANH	10
1	A1	Cây xanh	
		Tỷ lệ diện tích cây xanh, công viên hoặc vườn hoa, hoặc bãi cỏ/tổng diện tích khuôn viên CSYT	
2	A2	Năng lượng xanh	
		+ Quy định tiết kiệm điện	
		+ Sử dụng thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện	
		+ Sử dụng thiết bị điều hòa tiết kiệm điện	
		+ Sử dụng thiết bị điện có cảm ứng	
		+ Sử dụng năng lượng tự nhiên	
		PHẦN B. NỘI DUNG SẠCH	80
	B1	Nước sạch	10
3	B1.1	Có đủ nước sinh hoạt, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	
4	B1.2	Có đủ nước uống trực tiếp, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	
	B2	Nhà vệ sinh	20
5	B2.1	Số lượng nhà vệ sinh tại Khoa khám bệnh	
		+ Khu vệ sinh riêng cho NB và nhân viên y tế	
		+ Tối thiểu 1 nhà vệ sinh (nam/nữ riêng biệt) gồm: 01 chậu rửa, 01 xí tiểu/100 lượt khám	
6	B2.2	Số lượng nhà vệ sinh tại mỗi Khoa/phòng điều trị, xét nghiệm	
		+ Nhà vệ sinh riêng cho NB và nhân viên y tế	
		+ Mỗi phòng bệnh có một buồng vệ sinh gồm: 01 chậu rửa, 01 xí tiểu và 01 chỗ tắm giặt	
		+ Có nhà vệ sinh đảm bảo người khuyết tật có thể tiếp cận và sử dụng được	
7	B2.3	Điều kiện chung về nhà vệ sinh	
		+ Có biển chỉ dẫn đến nhà vệ sinh	
		+ Đảm bảo thông gió và đủ ánh sáng	
		+ Không mùi hôi	
		+ Có sẵn nước rửa tay, nước dội	
		+ Có bảng hướng dẫn rửa tay	
8	B2.4	Sàn nhà vệ sinh	
		+ Khô, không đọng nước.	

STT	Tiêu chí/Nhóm Tiêu chí	Nội dung Tiêu chí	Điểm tối đa
		+ Không trơn trượt. + Sạch, không có vết bẩn. + Không có rác rơi vãi + Không bong tróc, nứt vỡ	
9	B2.5	Tường, trần nhà vệ sinh + Không có mạng nhện + Không có rêu mốc + Không bong tróc + Không thấm, dột + Được quét sơn/vôi đảm bảo vệ sinh, mỹ quan	
10	B2.6	Thiết bị vệ sinh: chậu rửa, xí tiểu, vòi nước + Không nứt, vỡ + Không hỏng, tắc + Xí tiểu không dính đọng phân, nước tiểu	
11	B2.7	Các vật dụng trong NVS + Có sẵn giấy vệ sinh + Thùng đựng chất thải + Có xà phòng hoặc dung dịch rửa tay + Có gương soi, có móc treo đồ	
12	B2.8	Thực hiện vệ sinh và kiểm tra giám sát nhà vệ sinh + Có bảng kiểm vệ sinh, có xác nhận của người giám sát + Tần suất dọn vệ sinh tối thiểu ngày 2 lần và khi cần	
	B3	Quản lý chất thải y tế	40
13	B3.1	CSYT thực hiện phân loại chất thải y tế đúng quy định: + Các khoa/phòng, bộ phận nơi phát sinh chất thải được cung cấp đủ bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế theo đúng quy định + Các khoa/phòng, bộ phận thực hiện phân loại chất thải y tế đúng quy định	
14	B3.2	CSYT thực hiện thu gom chất thải y tế đúng quy định về: + Tần suất thu gom + Dụng cụ thu gom + Quy định tuyến đường, thời điểm thu gom	
15	B3.3	CSYT có khu lưu giữ chất thải y tế trong khuôn viên theo quy định : + Khu lưu giữ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật + Thời gian lưu giữ đúng quy định	

STT	Tiêu chí/Nhóm Tiêu chí	Nội dung Tiêu chí	Điểm tối đa
16	B3.4	CSYT thực hiện chuyển giao chất thải y tế đúng quy định	
		<i>Chuyển giao để xử lý tập trung</i>	
		+ Chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp	
		+ Có Hợp đồng vận chuyển còn thời hạn	
		+ Có Sổ giao nhận chất thải y tế theo quy định	
		+ Có Chứng từ CTNH (đối với CTNH)	
		<i>Chuyển giao để xử lý theo mô hình cụm</i>	
		+ Chuyển giao cho đơn vị xử lý cho cụm CSYT (trong Kế hoạch được UBND cấp tỉnh phê duyệt)	
		+ Có Sổ giao nhận chất thải y tế	
		+ Thiết bị lưu chứa trên phương tiện vận chuyển đảm bảo yêu cầu;	
17	B3.5	CSYT thực hiện xử lý chất thải rắn y tế đúng quy định:	
		+ Thực hiện xử lý chất thải y tế đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường	
		+ Thực hiện giám sát, vận hành hệ thống/thiết bị xử lý chất thải y tế theo đúng quy định/hướng dẫn	
		+ Có sổ vận hành thiết bị xử lý được lập theo mẫu và ghi đầy đủ thông tin	
		+ Sử dụng công nghệ không đốt, thân thiện với môi trường (khuyến khích)	
18	B3.6	CSYT quản lý chất thải tái chế đúng quy định	
		+ Có ban hành danh mục chất thải y tế thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế	
		+ Có thực hiện phân loại CTYT để phục vụ tái chế	
		+ Ký hợp đồng chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng phù hợp	
		+ Có sổ bàn giao chất thải sau khi đã xử lý khử khuẩn đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường để phục vụ tái chế (đối với CSYT sử dụng thiết bị khử khuẩn chất thải lây nhiễm)	
19	B3.7	CSYT quản lý nước thải y tế đúng quy định	
		+ Có hệ thống thu gom, xử lý toàn bộ nước thải y tế	
		+ Vận hành bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải y tế theo quy định	
		+ Có sổ nhật ký vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý nước thải và được ghi chép đầy đủ	
		+ Khu vực xử lý nước thải được vệ sinh sạch, không đọng	

STT	Tiêu chí/Nhóm Tiêu chí	Nội dung Tiêu chí	Điểm tối đa
		nước, không có mùi hôi	
		+ Đảm bảo nước thải đầu ra đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường	
20	B3.8	CSYT thực hiện Kế hoạch Phòng ngừa, UPSCMT do chất thải y tế	
		+ Có Kế hoạch, phương án, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do CTYT	
		+ Có tập huấn, truyền thông	
		+ Có thực hành diễn tập	
21	B3.9	CSYT thực hiện quan trắc môi trường y tế đúng quy định	
		Có thực hiện quan trắc, giám sát đủ tần suất, đủ thông số theo quy định	
22	B3.10	Người thu gom, xử lý chất thải y tế được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động	
		+ Trang bị đủ bảo hộ lao động	
		+ Tuân thủ mặc bảo hộ lao động khi thực hiện công việc	
23	B3.11	Thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải y tế	
		+ Mua sắm, lắp đặt, sử dụng vật tư, thiết bị, dụng cụ, thuốc, hóa chất và các nguyên, vật liệu phù hợp với nhu cầu sử dụng.	
		+ Đổi mới thiết bị, quy trình trong hoạt động chuyên môn y tế và các biện pháp khác để giảm thiểu phát sinh chất thải y tế	
		+ Có biện pháp, lộ trình và thực hiện hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, túi ni lông khó phân hủy nhằm giảm thiểu phát sinh chất thải nhựa.	
		+ Phân loại chất thải nhựa để tái chế hoặc xử lý theo quy định của pháp luật	
	B4	Vệ sinh môi trường	10
24	B4.1	Sân, vườn, khuôn viên	
		+ Sạch sẽ, không có nước đọng	
		+ Có đủ thùng đựng chất thải	
		+ Không có chất thải rơi vãi	
		+ Tường hàng rào, các tòa nhà không có rêu mốc, bong Tróc	

STT	Tiêu chí/Nhóm Tiêu chí	Nội dung Tiêu chí	Điểm tối đa
25	B4.2	Hành lang, lối đi, sảnh chờ	
		+ Sạch sẽ, không có nước đọng, không trơn trượt	
		+ Không có chất thải rơi vãi	
		+ Đảm bảo thông gió và đủ ánh sáng	
		+ Trần hành lang, lối đi, sảnh chờ không có rêu mốc, bong tróc	
26	B4.3	Trong các khoa/ phòng/buồng bệnh	
		+ Tường, trần nhà sạch không có mạng nhện, không có rêu mốc; bong tróc	
		+ Sàn sạch, không đọng nước, không trơn trượt	
		+ Không có chất thải rơi vãi	
		+ Đảm bảo thông gió và đủ ánh sáng	
	C	PHẦN C. ĐẸP	10
27	C1	Biển hiệu, biển tên, biển chỉ dẫn rõ ràng, dễ quan sát	
		+ Có biển tên: CSYT, các khoa/phòng bộ phận/nhà vệ sinh	
		+ Có sơ đồ, biển chỉ dẫn đến nhà vệ sinh; biển chỉ dẫn lối đi trong CSYT	
		+ Có Bảng rôn, bảng chữ điện tử, khẩu hiệu CSYT “Xanh, Sạch, Đẹp”	
28	C2	Cảnh quan CSYT hài hòa, thân thiện môi trường	
		+ Có đài phun nước hoặc tiểu cảnh hòn non bộ, bể cá; hoặc hồ nước trong khuôn viên CSYT.	
		+ Hoa, cây cảnh, cây xanh, thảm cỏ...được chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên	
		+ Có thiết kế, bố trí cây xanh, thảm cỏ, lối đi phù hợp, hài hòa, thân thiện môi trường.	
29	C3	Khu sảnh chờ, phòng chờ	
		+ Ghế ngồi được bố trí đủ và sắp xếp gọn gàng, thuận tiện	
		+ Tranh ảnh trang trí đẹp treo ở vị trí phù hợp	
		+ Có giá/kệ để các tài liệu truyền thông về chăm sóc, giữ gìn sức khỏe, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch	
		+ Có ti vi hoặc màn hình điện tử để cung cấp thông tin cho NB, người nhà người bệnh (NNNB)	
		+ Có cây xanh, chậu hoa, cây cảnh	
30	C4	Khoa/phòng/buồng bệnh gọn gàng	
		+ Đảm bảo các vật dụng cá nhân cho người bệnh như chăn, ga, gối luôn sạch sẽ, được thay đúng lịch và khi cần.	

STT	Tiêu chí/Nhóm Tiêu chí	Nội dung Tiêu chí	Điểm tối đa
		+ Tủ đầu giường sạch sẽ, không bị hoen rỉ, hỏng hóc	
		+ Sắp xếp đồ đạc/tư trang của người bệnh và người nhà người bệnh gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ.	
		+ Tranh ảnh trang trí đẹp treo ở vị trí phù hợp.	
		+ Có ti vi hoặc màn hình điện tử để NB, NNNB giải trí	
31	C5	Khu vực gửi xe	
		+ Có khu vực riêng để xe cho cán bộ y tế và người nhà người bệnh	
		+ Có biển chỉ dẫn lối đi, có kẻ vạch và sắp xếp gọn gàng	
		+ Có mái che, có điện chiếu sáng vào ban đêm	
		+ Đảm bảo an toàn phòng, chống cháy nổ	
32	C6	Trang phục NVYT, NB, NNNB	
		+ Nhân viên y tế đeo biển tên và mặc đồng phục sạch đẹp	
		+ NB, NNNB được cung cấp và mặc quần áo/áo choàng/váy choàng phù hợp, sạch sẽ không rách, không hoen ố	
		Tổng cộng	100

Ký xác nhận của khoa

Người kiểm tra ký tên

KỸ THUẬT TIÊM TRUYỀN DUNG DỊCH BẰNG ĐƯỜNG TĨNH MẠCH

(Kèm theo kế hoạch kiểm tra giám sát công tác kiểm soát nhiễm khuẩn và “Xanh-Sạch-Đẹp”
trong bệnh viện năm 2022)

STT	Nội dung	Có	Không
	Chuẩn bị người bệnh.		
1	Xem y lệnh, thực hiện kiểm tra 5 đúng.		
2	Giải thích để người bệnh yên tâm, dặn người bệnh những điều cần thiết.		
	Chuẩn bị người Điều dưỡng.		
3	Điều dưỡng có đầy đủ mũ, áo, quần, khẩu trang, rửa tay thường quy.		
	Chuẩn bị dụng cụ và thuốc.		
4	2 khay chữ nhật, trụ cắm 1 kim Kocher, lọ cồn 70 ⁰ , cồn iod (nếu tiêm nông), 2 cốc đựng bông cầu, kéo, băng dính.		
5	Dịch truyền theo chỉ định, dây truyền, phiếu truyền dịch.		
6	Hộp chống sốc, huyết áp, ống nghe, đồng hồ bấm giây, găng tay.		
7	Hộp gạc vô khuẩn: Gạc bông cầu.		
8	Hộp đựng vật sắc nhọn, túi đựng đồ bẩn, gói kê tay, dây ga rô, cốc truyền.		
	Kỹ thuật tiến hành.		
9	Kiểm tra dịch truyền theo chỉ định, sát khuẩn nắp dịch truyền và bịt nắp dịch truyền.		
10	Xé túi đựng dây truyền và khóa dây truyền lại.		
11	Cắm dây truyền vào chai dịch. Treo chai dịch lên cốc truyền.		
12	Đuổi hết khí trong dây truyền rồi khóa lại.		
13	Điều dưỡng mang găng.		
14	Giao tiếp, giúp người bệnh nằm lại tư thế thoải mái tay hơi dẹt.		
15	Bộc lộ vùng truyền và chọn tĩnh mạch.		
16	Đặt gối kê tay dưới vùng truyền, thắt dây ga rô trên vị trí truyền 5 cm.		
17	Sát khuẩn vị trí truyền theo hình xoắn ốc từ trong ra ngoài bằng		

	còn iod trước và còn 70 ⁰ sau.		
18	Cố định tĩnh mạch, đâm kim nhanh 1 góc 15-30 ⁰ so với mặt da, hạ kim tiêm luôn kim tiêm vào tĩnh mạch.		
19	Khi thấy máu trào vào đốc kim tháo dây ga rô.		
20	Mở khóa cho dịch chảy, quan sát sắc mặt người bệnh.		
21	Cố định đốc kim, đặt gạc phủ lên vùng truyền (che phần kim tiếp xúc với da) cố định lại.		
22	Cầm đồng hồ ngang bầu nhỏ giọt, điều chỉnh tốc độ theo chỉ định.		
23	Bỏ gối kê tay, dây ga rô, giúp người bệnh nằm về tư thế thoải mái, hướng dẫn người bệnh những điều cần thiết.		
	Thu dọn dụng cụ		
24	Thu dọn dụng cụ, tháo găng, ghi phiếu truyền dịch, phiếu chăm sóc.		

Người kiểm tra

Người được kiểm tra

KỸ THUẬT THAY BĂNG VÀ RỬA VẾT THƯƠNG (VẾT THƯƠNG SẠCH)

*(Kèm theo kế hoạch kiểm tra giám sát công tác kiểm soát nhiễm khuẩn và “Xanh-Sạch-Đẹp”
trong bệnh viện năm 2022)*

TT	NỘI DUNG	CÓ	KHÔNG
	* Chuẩn bị người bệnh		
1	Xem y lệnh và đối chiếu với người bệnh		
2	Giải thích, động viên người bệnh yên tâm		
	* Chuẩn bị người điều dưỡng		
3	Điều dưỡng có đủ mũ, áo, khẩu trang, rửa tay thường quy.		
	* Chuẩn bị dụng cụ		
4	Khay chữ nhật: kéo, băng dính hoặc băng cuộn, 2 đôi găng tay		
5	Dung dịch rửa vết thương, cốc đựng dung dịch rửa vết thương.		
6	Hộp dụng cụ rửa vết thương vô khuẩn: 2 kim Kose, 2 kẹp phẫu tích, 1 kéo.		
7	Hộp vô khuẩn: gạc miếng, gạc củ ấu.		
8	Chậu đựng dung dịch khử khuẩn, nilon, túi đựng đồ bẩn.		
	Kỹ thuật tiến hành		
9	Điều dưỡng mang găng, trải nilon, đặt người bệnh nằm tư thế thuận lợi, bộc lộ vết thương.		
10	Đặt túi đựng đồ bẩn, tháo băng cũ, nhận định tình trạng vết thương, thay găng.		
11	Điều dưỡng mang găng, rửa sạch xung quanh vết thương (từ mép vết thương ra ngoài)		
12	Thấm dung dịch, rửa từ giữa vết thương ra mép, rửa đến khi sạch.		
13	Thấm khô, đặt gạc phủ kín vết thương băng lại hoặc để thoáng theo chỉ định.		
	Thu dọn dụng cụ.		
14	Thu dọn dụng cụ, tháo găng, rửa tay, ghi phiếu chăm sóc.		

Người kiểm tra

Người được kiểm tra

BỆNH VIỆN ĐKKV BẮC QUẢNG BÌNH
KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

PHIẾU GIÁM SÁT PHÂN LOẠI CHẤT THẢI

(kèm theo kế hoạch kiểm tra giám sát công tác kiểm soát nhiễm khuẩn và “Xanh – Sạch – Đẹp”
 trong bệnh viện năm 2022)

Thời gian:.....Địa điểm:.....

Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá (Mỗi tiêu chí đúng một điểm)	Nội dung chi tiết, yêu cầu
Phương tiện thu gom, lưu chứa chất thải	1. Có ghi rõ tên khoa phòng ở thùng rác, túi rác. 2. Có biểu tượng đúng quy định. Nắp đóng mở thuận tiện, sạch sẽ. 3. Túi lót có màu sắc đúng quy định (nếu có). 4. Đặt tại vị trí phù hợp. 5. Có bảng hướng dẫn phân loại rác tại vị trí đặt thùng.		
Phân định, phân loại chất thải y tế	1. Quan sát thực tế. 2. Hỏi kiến thức của NVYT.		
Thu gom chất thải y tế	1. Luồng đi, tuyến đường phù hợp. 2. Chất thải lây nhiễm phải thu gom riêng. 3. CT có nguy cơ lây nhiễm cao được xử lý sơ bộ, hoặc để vào 2 lần túi, có biển NCLNC.		
Lưu giữ chất thải y tế	1. Vị trí lưu giữ chất thải lây nhiễm tại khoa bố trí phù hợp, đúng yêu cầu kỹ thuật. 2. Thùng rác không đựng quá đầy (3/4), được đậy nắp. 3. Lưu giữ không quá 48h.		
Giám thiểu chất thải y tế	1. Phân loại đúng chất chất thải y tế. 2. Số bàn giao CTYT đầy đủ.		
Tổng			

Kiến nghị, đề xuất của khoa:

Đại diện khoa
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người giám sát
 (Ký, ghi rõ họ tên)